BÀI 6: ĐÁNH DẤU VÀ DÁN NHÃN(MARKING AND LABELLING)

6.1. Tổng quan(General)

- Mục đích chung cho biết:

+ Nội dung bên trong kiện hàng

+ Bao bì đóng gói đáp ứng với tiêu chuẩn ban hành

+ Thông tin phục vụ và chất xếp an toàn

+ Tính chất nguy hiểm

- Người gửi hàng chịu trách nhiệm đánh dấu, dán nhãn kiện hàng đúng quy định

- Nhân viên tiếp nhận HNH của Nhà Khai thác, Công ty giao nhận hàng hóa, Đại lý phải kiểm tra đảm bảo kiện hàng được đánh dấu, dãn nhãn đúng quy định trước khi tiếp nhận hàng

6.2. Đánh dấu(Marking)

- Trách nhiệm của người gửi hàng:

+ Kiểm tra việc đánh dấu được thực hiện đúng vị trí trên bề mặt kiện hàng và đảm bảo các yêu cầu của Quy định

+ Đảm bảo việc đánh dấu đáp ứng với yêu cầu của bao bì theo chỉ dẫn kỹ thuật

+ Xóa bỏ các đánh dấu không thích hợp

+ Đảm bảo tất cả các đánh dấu theo yêu cầu của Quy định được áp dụng khi kiện hàng được đưa đến nhà khai thác

- 2 loại đánh dấu(types of marking):

+ Xác định việc sử dụng một bao bì cụ thể cho một lô hàng cụ thể:

+ Tên vận chuyển riêng(Proper shipping name)

+ Số UN hoặc ID(UN or ID Number)

+ Tên, địa chỉ đầy đủ của người gửi & người nhận(Full name, address of the shipper & consignee)

+ Xác định việc thiết kế / chỉ dẫn kỹ thuật bao bì

- Nhận biết chỉ dẫn kỹ thuật của bào bì UN:

+ Ký hiệu bao bì theo tiểu chuẩn UN

+ 4G: Ký hiệu loại bao bì(4G: thùng cac-ton)

+ X: Ký hiệu nhóm đóng gói(X: PG I, Y: PG II, Z:PG III)

+ 10: Trọng lượng cho phép tối đa của kiện hàng(kg)

+ S: Bao bì chỉ dùng để chứa chất rắn hoặc bao bì bên trong

+ XX: Năm cảu bao bì được sản xuất(2 số cuối)

+ USA: Quốc gia được phép đánh dấu kỹ thuật bao bì

+ T7402: Tên / ký hiệu nhận diện nhà sản xuất

- 2 loại nhãn: Nhãn nguy hiểm(Hazard labels) & Nhãn phục vụ(Handling labels)

- Người gửi hàng chịu trách nhiệm dán nhãn trên kiện hàng và overpack

- Nhà khai thác chỉ chịu trách nhiệm thay thế nhãn bị bong tróc hay không nhận dạng được trong quá trình vận chuyển

6.3.1. Nhãn nguy hiểm(Hazard Labels)

- Cảnh bảo rủi ro / nguy hiểm

- Mỗi loại(class) / Nhóm(Division) chỉ có 01 nhãn nguy hiểm duy nhất

- Phù hợp với chi tiết kỹ thuật: kích cỡ, màu sắc, ký hiệu và số class / division

- Có thể có nội dung mô tả tính nguy hiểm, nhưng không bắt buộc

- Hình dạng, màu sắc, ký hiệu trên nhãn nhằm cảnh báo loại nguy hiểm

- Có dạng hình vuông xoay 1 góc 45 độ (diamond shaped), kích thước tối thiểu 100 x 100 mm

**#Class1: Chất nổ - Explosives**

- Chia thành 6 divisions:

+ Div 1.1: gây nổ lớn

+ Div 1.2: gây nổ văng miếng

+ Div 1.3: gây nổ nhỏ hoặc văng miếng ít

+ Div 1.4: gây nổ không đáng kể

+ Div 1.5: độ nhạy kém, gây nổ lớn

+ Div 1.6: độ nhạy rất kém, không gây nổ lớn

- Ký hiệu: REX

- Chỉ có một số ít chất nổ được phép vận chuyển bằng đường hàng không

- Duy nhất Division 1.4S được chấp nhận vận chuyển trên máy bay hành khách

**#Class 2: Chất khí - Gases**

- Chia thành 03 Divisions:

+ Div 2.1: Khí dễ cháy - **RFG**

- Bất kỳ chất khí nào khi trộn với không khí với một tỷ lệ nhất định, tạo ra một hổn hợp gây cháy

+ Div 2.2: Khí không dễ cháy, không độc hại hoặc khí hóa lỏng nhiệt độ thấp - **RNG / RCL**

+ Div 2.3: Khí độc - **RPG**

- Chất khí được biết là độc hay ăn mòn đối với con người hay gây nguy hiểm đến sức khỏe

- Khí độc hầu hết bị cấm vận chuyển bằng máy bay

**#Class 3: Chất lỏng dễ cháy(Flammable Liquids)**

- Không chia thành Division

- Bất kỳ chất lỏng nào có nhiệt độ bắt cháy trong điều kiện đậy kín <= 60 độ C, hoặc trong điều kiện không đậy kín <= 65.6 độ C

- Ký hiệu: **RFL**

#Class 4: Chất rắn dễ cháy(Flammable Solids, etc)

- Chia thành 03 Divisions:

+ Div 4.1: Chất rắn dễ cháy - RFS

- Bất kỳ vật liệu rắn nào dễ cháy hay có thể gây ra cháy khi có ma sát

+ Div 4.2: Chất tự phát cháy - RSC

- Chất có thể tự sinh ra nhiệt hay sinh nhiệt khi tiếp xúc với không khí và cso thể gây cháy

+ Div 4.3: Chất nguy hiểm khi ướt - RFW

- Chất khi kết hợp với nước có khả năng gây ra cháy hay sinh ra chất khí dễ cháy

#Class 5: Chất Oxy hóa & Peroxide hữu cơ(Oxidixing Substance & Organic Peroxide)

- Chia thành 02 Divisions:

+ Div 5.1: Chất oxy hóa - ROX

- Chất sinh ra Oxy có khả năng gây bùng cháy những vật liệu khác

+ Div 5.2: Peroxide hữu cơ - ROP

- Chất hữu cơ (lỏng hay rắn) có thể dễ bị đốt cháy, sau đó cháy với tốc độ nhanh hơn. Một vài chất phản ứng nguy hiểm với các chất khác

#Class 6: Chất độc & chất lây nhiễm(Toxic, poisonous substance & infectious substance)

- Chia thành 02 Divisions:

+ Div 6.1: Chất độc - FPB

- Chất lỏng hay chất rắn gây nguy hiểm khi hít, nuốt hay hấp thụ qua da

+ Div 6.2: Chất lấy nhiểm - RIS

- Những chất được biết hoặc có cơ sở nghi ngờ chứa mầm bệnh gây bệnh cho con người hay động vật

#Class 7: Chất phóng xạ(Radioactive Material)

- Không chia thành Division

+ Category I: Mức I - RRW

- Chất phóng xạ có mức độ bức xạ thấp ở bề mặt kiện hàng

- Chỉ số vận chuyển(Transport Index): TI=0

+ Category II: Mức II - RRY

- Mức bức xạ cao hơn mức I, và

- Chỉ số vận chuyển: 0 <TI<=1

+ Category III: Mức III - RRY

- Mức bức xạ cao hơn mức II, và/ hoặc

- Chỉ số vận chuyển: 1<TI<=10

- Vật liệu phóng xạ phân hạch(Fissile Material):

- Nhãn chỉ số an toàn tới hạn(Criticality Safety Index) phải được sử dụng thêm vào nhãn phóng xạ thích hợp nhằm kiểm soát lượng vật liệu phân hạch tích lũy của các kiện hàng hay Overpack có chứa vật liệu phân hạch

#Class 8: Chất ăn mòn(Corrosive)

- Không chia thành Division

- Chất lỏng hay chất rắn gây tổn thương nghiêm trọng khi tiếp xúc với mô sống, hoặc trong trường hợp bị rò rỉ sẽ phá hủy các chất liệu, hàng hóa khác hay phương tiện vận chuyển

- Ký hiệu: RCM

#Class 9: Hàng nguy hiểm(Miscellaneous Dangerous Goods)

- Không chia thành Division

+ Bất kỳ vật phẩm hay chất nào gây nguy hiểm khi vận chuyển bằng đường hàng không nhưng không thuộc từ Class 01 đến 08

- Ký hiệu: RMD

+ Chất rắn/lỏng theo quy định hàng không như thuốc gây mê, chất độc, chất gây kích thích hay những thuộc tính khác cso thể gây cực kỳ khó chịu/ không thỏa mái cho tổ bay làm cho họ không thể thực hiện nhiệm vụ(UN 3334 & UN 3335)

+ Vật liệu từ tính(Magnetized material) - MAG(UN 2807)

+ Chất nhiệt độ cao:

- Chất lỏng: t độ >= 100 độ C (UN3257)

- Chất rắn: t độ >= 240 độ C (UN3258)

+ Chất gây nguy hại môi trường(UN 3077 & UN 3082)

+ Sinh vật, vi sinh vật biến đổi gen(UN3245)

(không thuốc Div 6.1 và Div 6.2)

+ Pin Lithium Ion/Metal - RBI, RBM, RLI and LRM

- RBI áp dụng đối với các kiện hàng Pin Lithium ion(UN3480) tuân thủ theo Section IA /IB của PI 965

- RBM áp dụng đối với các kiện hàng Pin Lithium metal(UN 3090) tuân thủ theo Section IA /IB của PI 968

+ Pin Lithium Ion/Metal - RBI, RBM, RLI and RLM

- RLI áp dụng đối với các kiện hàng Pin Lithium ion (UN 3481) tuân thủ theo Section I của PI 966 & PI 967

- RLM áp dụng đối với các kiện hàng Pin Lithium metal (UN 3091) tuân thủ theo Section I của PI 969 & PI 970

- Asbestos(Amiăng), amphibole / chrysotile

- Capacitors (Tụ điện)

- Hạt nhựa polymer, Hợp chất nhựa đúc - RSB

- Thiết bị cứu hộ

- Chất, vật phẩm khi cháy tạo ra Dioxins

- Acetaldehyde ammonia

- Dry Ice(Đá khô) - ICE

- Zinc dithionite, zinc hydrosulphite

- Dibromodifluoromethane

- Benzaldehyde

- Ammoium nitrate(Phân bón)

- Bột, bã xác cá

- Bã hạt, bột hương liệu hải ly

- Xe cộ sử dụng khí dễ cháy/ chất lỏng dễ cháy

- Thiết bị hoặc xe cộ sử dụng pin/ắc-quy

- Dụng cụ sơ cấp cứu

- Dụng cụ, vật tư sử dụng trong vận chuyển hàng hóa được hun trùng

- Hàng quy hiểm trong các vật phẩm, các bộ dụng cụ thiết bị

- Bao bì rỗng, được thải bỏ, chưa được xử lý sạch

- Động cơ đốt trong

- Hàng tiêu dùng(ID8000)

Nguy hiểm chính & nguy hiểm phụ

- Một số trường hợp một chất có thể đáp ứng tiêu chuẩn của nhiều class / divison khác nhau => Kiện hàng được dãn nhiều nhãn nguy hiểm khác nhau

6.3.2. Nhãn phục vụ(Handling labels)

- Một số hàng nguy hiểm yêu cầu có nhãn phục vụ đặc biệt bên cạnh nhãn nguy hiểm vì chúng cần được phục vụ, chất xếp quy cách cụ thể, riêng biệt

+ Nhãn **vật liệu từ tính - MAG**: những vật liệu có từ trường tương đối mạnh

- Kiện hàng có dán nhãn vật liệu từ tính không yêu cầu dán nhãn nguy hiểm class 9

+ Nhãn **Cargo Aircraft Only - CAO**:

- Phải được sử dụng trên những kiện hàng chỉ cho phép chuyên chở trên máy bay chở hàng và bị cấm vận chuyển trên máy bay chở khách

+ Nhãn **Cryogenic Liquid - RCL**:

- Phải được sử dụng thêm với nhãn nguy hiểm Div 2.2 trên các kiện hàng chứa khí hóa lỏng nhiệt độ thấp

+ Nhãn This Way Up: nhãn chỉ hướng

- Phải được sử dụng trên các bao bì kết hợp và Overpack có chưa HNH là chất lỏng

- Tuy nhiên có một vài ngoại lệ đối với các kiện hàng (DGR 7.2.4.4):

+ Mỗi bao bì bên trong chứa <= 120ml, có vật liệu thấm hút đảm bảo thấm hút hết chất lỏng

+ Mỗi bao bì bên trong dạng kín khí <= 500ml

+ Div 6.2: bao bì chứa trực tiếp bên trong <= 50 ml

+ Class 7

+ Nhãn Keep Away from Heat: Tránh xa nguồn nhiệt

- Phải được sử dụng kèm với nhãn nguy hiểm trên các kiện hàng chứa các chất tự phản ứng(self-reactive substances) thuộc Div 4.1 & Peroxide hữu cơ Div 5.2

- Kiện hàng phải được bảo vệ tránh ánh nắng trực tiếp, tất cả các nguồn nhiệt và được đặt ở các khu vực thông thoáng

+ Nhãn Radioactive Material, Excepted Package - RRE:

- Phải được dán trên kiện hàng ngoại lệ chứa vật liệu phóng xạ có hoạt độ thấp hoặc mức bức xạ trên bề mặt kiện hàng thấp

6.3.3. Một số trường hợp cụ thể, yêu cầu phải đánh dấu(marking) trên kiện hàng theo quy định

6.3.3.1 Dangerous Goods in Excepted Quantities

- Dấu hiệu này phải được thể hiện trên kiện hàng nguy hiểm có số lượng ngoại lệ

- Ký hiệu: REQ

6.3.3.2 Dangerous Goods in Limited Quanity

- Dấu hiệu này phải được thể hiện trên kiện hàng áp dụng theo quy định số lượng hạn chế

6.3.3.3 Environmentally Hazardous Substances

- Dấu hiệu này phải được thể hiện trên kiện hàng có chứa chất gây nguy hai cho môi trường theo quy định IATA DGR 7.1.5.3(IATA DGR - Edition 65)

6.3.3.4. Lithium Battery

- \*: Điền UN numbers

- \*\*: Điền số điện thoại để được chỉ dẫn thêm

- Áp dụng đối với kiện hàng Pin Lithitum tuân thủ theo:

- Section II của PI 966 / 969 & 970 (ELI / ELM), và

- Section IB của PI 965 & 968(RBI/ RBM)

6.3.3.5. Biological Substances, Category B

- Dấu hiệu này phải được thể hiện trên kiện hàng chứa sản phẩm sinh học - Nhóm B theo PI 650

- Ký hiệu: RDS

6.3.3.6. Genetically Modified(micro) Orgnisms

- Dấu hiệu này phải được thể hiện trên kiện hàng chứa Sinh vật/ Vi sinh vật biến đổi gen theo PI 959

6.3.4. Cảnh báo về hàng tiêu dùng

- Trên thế giới có những luật khác nhau về việc nhận biết các thuộc tính nguy hiểm của hóa chất và bằng cách nào người sử dụng biết được thông tin liên quan đén những thuộc tính nguy hiểm này(bằng nhãn cung ứng cho người tiêu dùng và bảng dữ liệu an toàn dành cho người lao động). Điều này có thể gây rối vì cùng hóa chất có thể có mô tả nguy hiểm khác nhau ở các quốc gia khác nhau

- UN tập hợp các chuyên gia từ các quốc gia khác nhau để xây dựng Hệ thống phân loại & nhãn hóa chất hài hòa trên phạm vi toàn cầu(the Globally Harmonized System of Clasification and Labelling of Chemicals -GHS)

- Những sản phẩm có dán những nhãn GHS sau đây có thể được phân loại như HNH:

Ghi chú:

- Một sản phẩm có nhãn và không có nhãn nào khác ở trên, Không được phân loại như HNH nếu trên sản phẩm có từ cảnh báo “danger” và chỉ có dòng chữ “causes serious eye damage”

- Một sản phẩm có dán những nhãn GHS sau đây(và không có nhãn nào khác trên slide trước) không được phép phân loại như hình HNH:

- Một số ví dụ khác:

- Trong trường hợp này, cần xác định rõ thông tin về sản phẩm với người gửi hàng trước khi tiếp nhận hàng như hàng thông thường(“Not restricted”)

- Việc xác định rõ thông tin có thể được căn cứ theo MSDS / đặc điểm kỹ thuật khác